ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4255 /QĐ-UBND	*Bình Hưng Hòa, ngày 08 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH14, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 90/2026/BCTT ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Công ty TNHH Kiến Trúc TLC về Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo

nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa;

Căn cứ Công văn số 4584 /KTHTĐT ngày 07 tháng 10 năm 2026 của phòng Kinh tế. Hạ tầng và Đô thị phường về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa của Cơ quan chuyên môn về xây dựng;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 4583 /TTr-KTHTĐT ngày 07 tháng 10 năm 2026 về kết quả thẩm định dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa và Tờ trình số số 783/TTr-BQLDA ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bình Hưng Hòa về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án : Nhóm C.
- Loại công trình: Công trình giao thông, đường trong đô thị.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

+ Hạng mục giao thông: Mặt đường cấp cao A1 có thời hạn thiết kế ≥ 10 năm (theo Bảng 2 Tiêu chuẩn TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế và Bảng 9 TCCS 38:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông).

3. Mã định danh: 7926416388900

4. Địa điểm xây dựng: thực hiện trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bình Hưng

Hòa.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu khảo sát xây dựng; nhà thầu thẩm tra

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Minh Đức; mã số doanh nghiệp số 0307571589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2009; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 8 năm 2023).

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư - Xây dựng Trung Nam; mã số doanh nghiệp số 0304719251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 7 năm 2022);

+ Nhà thầu thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Kiến Trúc TLC; mã số doanh nghiệp số 3702761466 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 8 năm 2025).

8. Mục tiêu dự án:

Dự án nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa được xây dựng theo hiện trạng, đồng bộ mặt cắt ngang trên tuyến, tạo kết nối hoàn chỉnh các đường giao thông theo hiện trạng, thông thoáng, nâng cao hiệu quả giao thông, thoát nước, hạ tầng kỹ thuật khác trên tuyến đường được đưa vào khai thác và sử dụng. Dự án góp phần xây dựng bộ mặt đô thị khang trang, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng dân cư, góp phần đảm bảo công tác chỉnh trang đô thị phù hợp với quá trình đô thị hóa của Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Quy mô đầu tư xây dựng.

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Nội dung đầu tư:

Nâng cấp, sửa chữa 84 tuyến đường hẻm với chiều dài khoảng 14.913,4m; Kết cấu mặt đường bê tông xi măng, bê tông nhựa phù hợp với hiện trạng, mặt cắt ngang có bề rộng theo hiện trạng; nâng cấp vỉa hè hai bên đường, hẻm. Cải tạo hệ thống cống thoát nước hiện hữu, nâng cấp đồng bộ các hạ tầng kỹ thuật hiện hữu đồng bộ tuyến đường.

- Phạm vi dự án: Danh mục 84 tuyến hẻm theo phụ lục đính kèm.

9.2. Giải pháp thiết kế:

9.2.1 Bình đồ tuyến:

- Công trình mang tính chất nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường, hẻm do đó bình đồ tuyến thiết kế trên cơ sở bám theo tim đường hiện trạng.

9.2.2. Trắc dọc

- Trắc dọc thiết kế bám theo trắc dọc đường hiện hữu, cao độ ≥ +2,00m phù hợp với quy hoạch được duyệt đồng thời đảm bảo chiều dày các lớp kết cấu;

- Vuốt nối cao độ trắc dọc thiết kế các điểm đầu, điểm cuối và đường ngang vào mặt đường hiện hữu để đảm bảo cho xe chạy được êm thuận.

9.2.3. Mặt cắt ngang

- Mặt cắt ngang theo hiện trạng với bề rộng mặt đường trung bình từ 2,37m đến 7,98m.

9.2.4. Kết cấu áo đường

Kết cấu áo đường được thiết kế với 02 loại kết cấu:

- Kết cấu áo đường mềm: được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm TCCS 38:2022/TCĐBVN, với mặt đường cấp cao A1, cường độ mặt đường yêu cầu là Eyc=120 MPa. Để đảm bảo cường độ mặt đường đạt yêu cầu như trên, kết cấu áo đường được chọn như sau:

Đối với kết cấu áo đường tái lập phui đào cống:

+ Bê tông nhựa nóng BTNC 12.5, dày 7cm, Eyc ≥ 120 MPa;

+ Tưới nhựa CSS-1h thấm bám 1,0kg/m^2;

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I lớp 1 (Dmax=25mm), dày 15cm, K≥0.98;

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I lớp 2 (Dmax=25mm), dày 15cm, K≥0.98;

+ Đá mi dày 30cm, K=1-1.02;

+ Cát đắp lấp phui, K≥0.95.

Đối với kết cấu áo đường làm mới:

+ Bê tông nhựa nóng BTNC 12.5, dày 7cm, Eyc ≥ 120 MPa;

+ Tưới nhựa CSS-1h thấm bám 1,0kg/m^2;

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I lớp 1 (Dmax=25mm), dày 15cm, K≥0.98;

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I lớp 2 (Dmax=25mm), dày 15cm, K≥0.98;

+ Đá mi dày 30cm, K=1-1.02;

+ Đào khuôn đường đến cao độ thiết kế; lu lèn nền đào K≥0.95.

Đối với kết cấu áo đường tăng cường:

+ Bê tông nhựa nóng BTNC 12.5, dày 7cm, Eyc ≥ 120 MPa;

+ Tưới nhựa CSS-1h thấm bám 1,0kg/m^2;

+ Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 D_{max}=25mm đến cao độ thiết kế, K≥0,98;

+ Cày sọc tạo nhám mặt đường hiện hữu.

Đối với kết cấu áo đường sửa chữa:

+ Bê tông nhựa nóng BTNC 12.5, dày trung bình 7cm, Eyc ≥ 120 MPa;

+ Tưới nhựa CSS-1h thấm bám 1,0kg/m^2;

+ Cào bóc mặt đường bê tông nhựa hiện hữu dày trung bình 7cm;

- Kết cấu áo đường bê tông xi măng: được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế mặt đường bê tông xi măng TCCS 39:2022/TCĐBVN, cường độ mặt đường yêu cầu là E = 27 Gpa.

Đối với kết cấu áo đường tái lập phui đào cống:

+ Bê tông xi măng đá 1x2, M250 dày 18cm;

+ Trải giấy dầu chống thấm;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax=25mm dày 18cm, K≥0,98;

+ Đá mi dày 30cm, K=1~1,02;

+ Cát đắp lấp phui, K≥0.95.

Đối với kết cấu áo đường tăng cường:

+ Bê tông xi măng đá 1x2, M250 dày 18cm;

+ Trải giấy dầu chống thấm;

+ Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 D_{max}=25mm đến cao độ thiết kế, K≥0,98;

+ Cày sọc tạo nhám mặt đường hiện hữu.

9.2.5. Kết cấu vỉa hè

Theo bản vẽ thiết kế mẫu của Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng tại Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18 tháng 6 năm 2009)

- Kết cấu vỉa hè loại 2:

+ Gạch terrazzo dày 3cm;

+ Vữa đệm M75 dày 1.5cm;

+ Bê tông xi măng M150 dày 5cm.

+ Cấp phối đá dăm dày 10cm, lu lèn đạt K>=0,95.

+ Đắp cát bù cao độ lu lèn đạt K≥0,90.

- Kết cấu vỉa hè loại 4:

+ Bê tông xi măng M200 dày 8cm.

+ Cấp phối đá dăm dày 10cm, lu lèn đạt K>=0,95.

+ Đắp cát bù cao độ lu lèn đạt K≥0,90

9.2.6. Kết cấu bó vỉa, bó nền

- Bó vỉa dạng vát xiên xây dựng mới bằng BT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ.

- Bó nền loại 1: có hình dạng chữ I bằng BT đá 1x2 M200 dày 20cm.

- Bó nền loại 2: có hình dạng chữ L bằng BT đá 1x2 M200 dày 20cm.

9.2.7. Tổ chức an toàn giao thông

- Tái lập an toàn giao thông theo hiện trạng tuyến tuân thủ QCVN 41:2024/BGTVT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ".

9.2.8. Hệ thống thoát nước

- Lắp đặt mới hệ thống thoát nước với khẩu độ D600~D800mm đối với 20 tuyến đường hẻm.

- Nạo vét, cải tạo hầm ga, cửa thu nước, thay mới đà hầm, nắp đan đối với 64 tuyến còn lại.

- Kết cấu thoát nước theo thiết kế định hình của Sở Giao thông Công chánh TP.HCM (nay là Sở Xây Dựng) ban hành tại Quyết định số 1344/QĐ-GT ngày 24 tháng 4 năm 2003; Công văn số 9967/SGTVT-CTN ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây Dựng) và Văn bản số 14437/SXD-HTKT ngày 19/9/2023 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cống tròn

+ Ống cống bằng BTCT M300 đúc sẵn, mỗi đốt cống dài 1,0m ÷ 4,0m, sử dụng loại cống có dạng miệng ngàm âm dương.

+ Móng cống: sử dụng gối cống bằng BTCT M200 đúc sẵn, mỗi đốt cống gồm 2 gối, đoạn còn lại dùng BT M150 đổ tại chỗ chèn dưới cống.

+ Lớp đệm móng cống bằng bê tông lót đá 1x2 M150 dày 10cm.

+ Mối nối cống tại đầu ngàm âm dương được chèn bằng joint cao su, bên ngoài được trát bằng vữa XM 10 MPa.

- Hố ga:

+ Kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M200, cổ hố ga kích thước 1,2 x 1,2 đổ tại chỗ.

+ Móng giếng được lót lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 20cm. Phía bên dưới bố trí lớp cát đệm 20cm.

+ Nắp đậy giếng thu dưới lòng đường sử dụng nắp gang thu nước trực tiếp.

+ Bậc thang lên xuống đặt ở thành giếng và được làm bằng thép D16 có mạ kẽm.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

+ Số bước thiết kế: 02 bước;

+ Danh mục tiêu chuẩn: (*theo Phụ lục đính kèm).*

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 129.220.093.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi triệu, không trăm chín mươi ba ngàn đồng).*

Stt	Khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	99.587.609.451
2	Chi phí quản lý dự án	1.699.195.117
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.189.455.861
4	Chi phí khác	2.763.468.504

5	Chi phí dự phòng	19.980.364.228
	Tổng mức đầu tư	**129.220.093.161**
	Tổng mức đầu tư (làm tròn)	**129.220.093.000**

12. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2026 đến năm 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường, đặc khu (theo Quyết định số 855/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa).

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: theo Quyết định số 855/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo Điều 44 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư và các đơn vị Tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về pháp lý, tính chính xác của số liệu khảo sát, tính toán thiết kế trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

2. Tổng mức đầu tư được duyệt là cơ sở pháp lý để quản lý chi phí thực hiện dự án, không phải là giá trị thanh quyết toán dự án. Trong các bước triển khai tiếp theo, Chủ đầu tư tiếp tục rà soát số liệu liên quan; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quản lý chặt chẽ chi phí theo đúng quy định.

3. Chủ đầu tư triển khai các công việc tiếp theo phù hợp quy định tại Luật Xây dựng năm 2025; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Tổng mức đầu tư của dự án được tính toán để các cơ quan đơn vị có liên quan làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo. Chủ đầu tư xác định chủng loại, xuất xứ của trang thiết bị phù hợp quy định và nhu cầu thực tế trên tinh thần tiết kiệm làm cơ sở trong việc thẩm tra, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

5. Trường hợp có thay đổi (về quy mô dự án; các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc; thiết kế được thẩm định về phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông…) dẫn đến thay đổi nội dung dự án được duyệt, Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh phù hợp theo quy định.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường, Trưởng phòng giao dịch số 5 - Kho bạc nhà nước khu vực 2 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính TP (để b/c);
- UBND phường;
- Lưu: VT, Cuong.

(Đính kèm Phụ lục 1, 2)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Khanh

PHỤ LỤC 01

Danh mục các tuyến hẻm thuộc dự án Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường hẻm trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa

(Đính kèm Quyết định số 4255 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Tên đường, hẻm	Chiều dài (m)	Bề rộng trung bình
1	Sửa chữa mặt đường Gò Xoài (Tân Kỳ Tân Quý - Lê Văn Quới)	1.521,50	8,5
2	Hẻm 888 Tân Kỳ Tân Quý	60,43	4~7
3	Hẻm 87 đường số 3	357,27	5
4	Hẻm 716/42 Tân Kỳ Tân Quý	131,96	4~6
5	Hẻm 65 đường số 5	112,47	6
6	Hẻm số 8 đường số 5	148,21	6
7	Hẻm số 8/22 đường số 5	139,28	7
8	Hẻm 155 đường số 11	119,01	5
9	Hẻm 169 đường số 11	103,81	5
10	Hẻm 255 và các hẻm nhánh của hẻm 255 đường số 11	222,42	5
11	Hẻm 14 đường số 4	131,12	6
12	Hẻm 50 đường số 5	113,58	6
13	Hẻm 53 đường số 5	122,51	6
14	Hẻm 60 đường số 5	55,94	6
15	Hẻm 216 đường số 5	306,15	6
16	Hẻm 52/32 đường số 8	68,89	4
17	Hẻm 224/133 đường số 8	110	5
18	Hẻm 42/28 đường số 9	70,41	6
19	Hẻm 42/25 đường số 9	276,55	6

STT	Tên đường, hẻm	Chiều dài (m)	Bề rộng trung bình
20	Hẻm 81 đường số 15	126,9	5
21	Hẻm 754/37/32 Tân Kỳ Tân Quý	81,1	4~6
22	Hẻm 277 và 2 hẻm nhánh Phạm Đăng Giảng	139,03	4
23	Hẻm 135/37 Phạm Đăng Giảng	146,66	3~5
24	Hẻm 638/26 Lê Trọng Tấn	115,31	3~5
25	Đường số 2	352,84	4,5
26	Đường số 14	325,86	7
27	Hẻm 340 Lê Văn Quới	333,64	6~9
28	Đường số 19A	362,76	3~8
29	Đường số 3	443,6	8
30	Sửa chữa mặt đường Miếu Gò Xoài (Gò Xoài - Đường số 14)	978,96	7
31	Hẻm 123/14 đường số 3	102,56	6
32	Hẻm 45 Đường số 3	157,6	5
33	Hẻm 11 đường số 5	63,4	6
34	Hẻm 131 đường số 7	174,27	5
35	Hẻm 131/19 Đường số 7	140,93	5,5
36	Hẻm 67 đường số 6	208,89	4
37	Hẻm 246/16 đường 26/3	45,61	5
38	Hẻm 284/37 đường 26/3	57,9	5
39	Đường 26 tháng 3 (bên dãy nhà số lẻ)	1071,98	3~4
40	Hẻm 80/38 đường số 12	82,83	4

STT	Tên đường, hẻm	Chiều dài (m)	Bề rộng trung bình
41	Hẻm 80/70 đường số 12	103,93	4~5
42	Hẻm 80 và hẻm 80/91 đường số 12	438,97	4
43	Hẻm 688/93 Tân Kỳ Tân Quý	131,02	3,5~6
44	Hẻm 47 Lô Tư	108,9	5
45	Hẻm 39 Lô Tư	120,97	5
46	Hẻm 29 Lô Tư	140,04	5
47	Hẻm 15 Lô Tư	239,66	5,5~6
48	Hẻm 21 Lô Tư	126,11	5,5~6
49	Hẻm 42/24 đường số 5	40,53	5
50	Hẻm 42/24/7 đường số 5	74,77	5
51	Hẻm 42/4 đường số 5	39,28	2~3
52	Hẻm 52 đường số 5	74,42	1~4
53	Hẻm 403 Hương lộ 3	203,34	6
54	Hẻm 4 đường số 4 BHH cũ	131,28	4
55	Hẻm 22 đường số 4 BHH cũ	126,39	6
56	Hẻm 1A đường 18B	189,26	5~7
57	Hẻm 1 đường 18B	319,45	7~8
58	Hẻm 20 đường số 3	106,8	3,5
59	Hẻm 5 đường số 10	60,11	4
60	Hẻm 85 đường số 10	79,16	6
61	Hẻm 95 đường số 10	76,22	5,5
62	Hẻm 133 đường số 10	41,03	5,5
63	Hẻm 141 đường số 10	63,07	6

STT	Tên đường, hẻm	Chiều dài (m)	Bề rộng trung bình
64	Hẻm 153 đường số 10	60,29	5,5
65	Sửa chữa Phạm Đăng Giảng (Lê Trọng Tấn - Hẻm 135)	243,73	7~10
66	Đường số 18A	120,56	3,5~4,5
67	Hẻm 18A/8 đường số 18A	55,79	5,0~6,0
68	Hẻm 52/45 đường số 8	160,77	2,5~4,5
69	Hẻm 52/45/37 đường số 8	48,30	2,0~3,0
70	Hẻm 126 đường số 4	56,11	5,0~6,0
71	Hẻm 273 Ấp Chiến Lược	74,99	3,0~3,5
72	Hẻm 285 Ấp Chiến Lược	74,70	3,5~4,5
73	Hẻm 307 Ấp Chiến Lược	74,22	3,5~4,0
74	Hẻm 141 Ấp Chiến Lược	68,62	4,0~4,5
75	Hẻm 131/109 đường 26 tháng 3	44,15	3,5~4,0
76	Hẻm 82 đường số 18B	148,11	4,0~5,0
77	Hẻm 78 đường số 18B	95,71	2,5~4,0
78	Hẻm 845 Lê Đức Anh	228,00	4,0~6,0
79	Hẻm 845/2 Lê Đức Anh	112,30	2,0~4,0
80	Hẻm 38 đường số 1A	54,82	3,5~4,5
81	Hẻm 58 đường số 19	121,48	4,0~5,0
82	Hẻm 30 đường số 19	165,57	5,5~7,0
83	Hẻm 30/11 đường số 19	57,44	3,5~4,5
84	Hẻm 30/17 đường số 19	128,93	3,5~4,0

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

(Đính kèm Quyết định số 4255 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

STT	KHUNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	SỐ HIỆU
A	**QUY CHUẨN VỀ THIẾT KẾ:**	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
B	**TIÊU CHUẨN VỀ THIẾT KẾ:**	
5	Đường ôtô – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4054:2005
6	Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
7	Áo đường mềm – Các chỉ dẫn và yêu cầu thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
8	Mặt đường bê tông xi măng – Các chỉ dẫn và yêu cầu thiết kế	TCCS 39:2022/TCĐBVN
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
10	Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2024
11	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
12	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình	TCVN 7957:2023
13	Kết cấu mẫu bó vỉa, vỉa hè của Sở GTVT	QĐ 1762/QĐ-SGTVT
14	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
C	**TIÊU CHUẨN THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU:**	
1	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011

STT	KHUNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	SỐ HIỆU
2	Mặt đường ô tô – Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
3	Mặt đường ô tô – Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát – Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
4	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
5	Nền đường ô tô – thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
6	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447-2012
7	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
8	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
9	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
10	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
11	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
12	Kết cấu BT và BTCT điều kiện thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
13	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, Hướng dẫn phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345-2012
14	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343-2012
15	Bê tông – yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828-2012
16	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – thi công và nghiệm thu	TCVN 9377-1:2012
D	**TIÊU CHUẨN VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ:**	
1	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
2	Phương pháp xác định chỉ số CBR nền đất và móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011

STT	KHUNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	SỐ HIỆU
3	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
4	Nhũ tương nhựa đường Polyme gốc axit	TCVN 8816:2011
5	Bê tông nhựa – Phương pháp thử	TCVN 8860-2011
6	Nhũ tương nhựa đường gốc axít	TCVN 8817-2011
7	Nhựa đường lỏng	TCVN 8818-2011
8	Bitum. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7493-2005
9	Bitum. Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
10	Xi măng Poocclăng	TCVN 2682-2020
11	Xi măng Poocclăng hỗn hợp	TCVN 6260-2020
12	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570-2006
13	Cốt liệu cho bê tông và vữa – PP thử	TCVN 7572:2006
14	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506-2012
15	Vữa xây dựng –yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314-2022
16	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826-2011
17	Thép cốt bê tông	TCVN 1651-1÷2-2018
18	Thép và sản phẩm thép. Yêu cầu kỹ thuật chung khi cung cấp	TCVN 4399-2008
19	Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu	TCVN 6522-2018
20	Thép tấm kết cấu cán nóng có giới hạn chảy cao	TCVN 6523-2008
21	Thép thanh cốt bê tông – Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
22	Thép hình cán nóng	TCVN 7571-2:2019
23	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại – Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA